

Phân tích các lỗi sai từ vựng trong bài viết của sinh viên không chuyên hệ liên kết quốc tế, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Bồ Thị Lý*

*ThS, Khoa Đào tạo và bồi dưỡng Ngoại ngữ

Received: 16/04/2024; Accepted: 26/04/2024; Published: 15/5/2024

Abstract: This article presents the findings of a research study that examines semantic errors made by non English majored students at ULIS, VNU. The study involved 106 writing papers of 50 first year students from the SNHU international program at ULIS, VNU who submitted writing papers for analysis. A combination of qualitative and quantitative techniques was utilized to ensure the accuracy and dependability of the results. The study's outcomes indicate a significant number of lexical errors made by in-service students, with formal errors surpassing semantic errors in frequency.

Keywords: SNHU students, writing, lexical errors, semantic errors

1. Đặt vấn đề

Từ vựng được là một thành tố căn bản cốt yếu của mọi ngôn ngữ. Halliday (1978) tin rằng việc học ngôn ngữ về cơ bản là học nghĩa từ vựng và cách sử dụng từ vựng; ngôn ngữ là sản phẩm của quá trình xã hội và ngôn ngữ phát sinh trong cuộc sống của cá nhân thông qua việc trao đổi ý nghĩa liên tục với người khác. Khi được sử dụng hợp lý, từ vựng giúp gắn kết các cấu trúc trong ngôn ngữ và giúp người học truyền tải được thông điệp. Ngược lại, việc sử dụng từ vựng không hợp lý sẽ dẫn tới những sai lệch trong thông tin và giao tiếp thất bại. Kiến thức từ vựng bao gồm 2 mặt- nó không chỉ là về tổng số lượng từ vựng mà người học có được mà còn là khả năng hiểu và sử dụng từ vựng một cách chính xác và phù hợp. Theo học giả Carter (1998) những lỗi sai về từ vựng trong nhiều trường hợp còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến giao tiếp hơn các lỗi cú pháp.

Trong thực tế dạy và học ngoại ngữ, một nhiệm vụ khó khăn mà giáo viên đang tiến hành là giúp học sinh khắc phục các lỗi sai về sử dụng từ vựng. Tuy nhiên, lỗi sai từ vựng lại khá đa dạng; và rất nhiều giáo viên không biết mình nên bắt đầu từ đâu; do vậy đề đối phó với một công việc khó khăn như vậy trước tiên đòi hỏi giáo viên cần nhận biết nguồn gốc và bản chất của những lỗi này vì điều này sẽ giúp họ hiểu các quá trình nhận thức dẫn đến các lỗi sai về từ vựng của học sinh.

Trước đây, các phương pháp giảng dạy tiếng Anh cũ như phương pháp Audio-lingual không cho phép lỗi sai. Ngày nay, lỗi sai được xem như một phần của quá trình học ngoại ngữ và việc phân tích lỗi sai đóng

vai trò quan trọng trong quá trình dạy và học ngoại ngữ. Theo Mitchell and Myles (2004), thông qua các lỗi sai có thể phát hiện trình độ ngoại ngữ tại một thời điểm nhất định của người học; ngoài ra nó còn giúp giáo viên nhận thấy được những khiếm khuyết trong quá trình thu nhận kiến thức của SV. Do vậy việc tìm ra và nghiên cứu các lỗi sai trong quá trình học ngoại ngữ luôn nhận được sự quan tâm của các học giả quốc tế, trong đó có các lỗi sai về mặt từ vựng.

Ở Việt Nam, mặc dù đã có nhiều tiến bộ và thành tựu đáng kể trong việc dạy và học tiếng Anh, giảng dạy tiếng Anh chưa bao giờ là một công việc dễ dàng. Theo Murrow (2004), phần lớn các giáo viên dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ đều nhận thấy một khoảng cách giữa trình độ kiến thức lý thuyết với thực tế thể hiện của SV, đặc biệt là khi họ tham gia một khóa dạy và học viết. SV học Tiếng Anh có thể thuộc và biết nghĩa nhiều từ vựng đơn thuần nhưng lại thất bại trong việc sử dụng vốn từ vựng đó để hoàn thành một bài viết. Do vậy, việc phân tích các lỗi sai về mặt từ vựng trong các bài viết của SV luôn là một công việc cần thiết trong giảng dạy ngoại ngữ tiếng Anh trong các nhà trường hiện nay. Từ những lý do trên, tôi thực hiện nghiên cứu mang tên: "Phân tích các lỗi sai từ vựng trong bài viết của SV không chuyên hệ liên kết quốc tế, trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội".

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lỗi sai từ vựng

Theo Llach (2011), lỗi sai từ vựng là sự vi phạm quy chuẩn sử dụng từ vựng của một ngôn ngữ theo cách thường dùng của người bản ngữ. Cụ thể hơn, lỗi

sai từ vựng là việc sử dụng sai một từ vựng trong một bối cảnh cụ thể so với cách sử dụng từ vựng một người bản ngữ có những đặc điểm tương tự về tuổi tác, trình độ học vấn, địa vị xã hội (Shalaby et al, 2009).

Lỗi từ vựng chia thành 2 loại: lỗi hình thái và lỗi ngữ nghĩa. Trong nghiên cứu của mình, James (1998) trình bày 2 nhóm lỗi từ vựng chính bao gồm: Lỗi hình thái và lỗi ngữ nghĩa với nhiều nhóm nhỏ khác nhau.

Bảng tổng hợp các lỗi sai từ vựng của James' (1998):

| Lỗi sai | | Ví dụ |
|-------------------------------------|---|-------|
| A. Lỗi hình thái | | |
| 1. Lỗi chọn sai hình thái | | |
| 1.1 Sai hậu tố | Traffic congestions cause of air <u>polluted</u> [pollution]. | |
| 1.2 Sai tiền tố | These bacteria <u>are unvisible</u> unless viewed with a microscope. [invisible] | |
| 1.3 Sai nguyên âm | All the <u>sets</u> [seats] for the moive showtime on Tuesday have already booked. | |
| 1.4 Sai phụ âm | Jack won the first <u>price</u> [prize] in the singing contest. | |
| 2. Lỗi hình thành sai từ | | |
| 2.1 Mượn từ vựng | One of the most famous tourist attraction in Hanoi is <u>Lăng Bắc</u> [Ho Chi Minh Mausoleum] | |
| 2.2 Sáng tạo từ vựng | Playing computer games can be very <u>nocive</u> [harmful] to our eyes | |
| 2.3 Dịch từ | I <u>go to</u> [am going to] the theme park with my cousins. | |
| 3. Sai chính tả | | |
| 3.1 Thiếu chữ cái | The movie last night is very <u>intresting</u> [interesting] to me | |
| 3.2 Thừa chữ cái | The family is having a party in the <u>dinning</u> [dining] room right now | |
| 3.2 Chọn sai từ | They are <u>anger</u> [angry] because he is late again. | |
| 3.4 Sắp xếp sai chữ cái trong từ | Mom bought a new <u>kettel</u> [kettle] from supermarket yesterday. | |
| A. Lỗi ngữ nghĩa | | |
| 1. Sai quan hệ đồng nghĩa | | |
| 1.1 Dùng từ chung chung | could you please call the <u>craftsman</u> [electrician] to fix our electricity? | |
| 1.2 Dùng từ quá chi tiết | do not <u>smash</u> [break] the rule or you will get the punishment from father). | |
| 1.3 Dùng sai từ cùng trường từ vựng | John gives Janet a beautiful <u>vermilion</u> [scarlet] rose. | |
| 1.4 Dùng từ cụm từ/đồng nghĩa | she is an <u>excellnt</u> [brilliant] scientist | |
| 2. Lỗi cụm từ | | |
| 2.1 Ghép từ không phù hợp | crooked stick [crooked year] | |
| 2.2 Chọn từ không chuẩn | Julius's army suffered <u>big losses</u> [heavy losses] | |
| 2.3 Ghép từ ngược | <u>hikehitch</u> [hitchhike] | |
| 2.4 Sai giới từ | My house look the same <u>with</u> yours [as] | |

2.2. Kết quả và bàn luận

2.2.1. Tổng hợp các lỗi từ vựng

Kết quả phân tích của 106 bài viết chỉ ra 719 lỗi từ vựng, với trung bình khoảng 6,2 lỗi trong mỗi bài viết. Tổng số từ của các bài viết là từ 14616 với trung bình 92 từ trong mỗi bài. Tổng hợp số lượng từ, độ dài trung bình và số lượng lỗi trong bài viết của SV được tổng hợp theo bảng dưới đây:

| | | |
|---|---|-------|
| 1 | Tổng số bài viết được phân tích | 106 |
| 2 | Tổng số từ trong tất cả mẫu phân tích | 14616 |
| 3 | Độ dài trung bình của một bài mẫu | 92 |
| 4 | Tổng số lỗi từ vựng trong các mẫu phân tích | 719 |
| 5 | Số lượng lỗi trung bình trên một bài viết | 12,4 |

Theo kết quả phân tích thì tần suất xuất hiện của các lỗi ngữ nghĩa cao hơn nhiều so với các lỗi hình thái. Nói một cách khác, SV chủ yếu mắc phải các lỗi ngữ nghĩa nhiều hơn là các lỗi hình thái. Cụ thể có 435 lỗi ngữ nghĩa chiếm 60,45 % tổng các lỗi còn 274 lỗi còn lại chiếm 39,55% là các lỗi hình thái.



Từ kết quả trên có thể thấy, so với các lỗi về ngữ nghĩa thì các lỗi hình thái ít nghiêm trọng hơn. Tuy nhiên, các lỗi này vẫn chiếm phần trăm tương đối trong tổng số lỗi sai từ vựng do vậy có thể thấy SV vẫn cần được hướng dẫn và giảng dạy các kiến thức về âm vị cũng như cấu tạo từ. Các kiến thức về mặt ngữ nghĩa khó hơn và đa dạng hơn với nhiều khía cạnh khác nhau như nghĩa đen nghĩa bóng, văn phong. Các khía cạnh này được coi là các yếu tố ngôn ngữ thuộc trình độ cao mà người học khó có thể nắm bắt sau một khoảng thời gian ngắn học ngôn ngữ (theo Schmitt, 2000).

Tổng số và số phần trăm chi tiết của các loại hình lỗi từ vựng trong 50 bài viết được tổng hợp theo bảng như sau:

| Lỗi sai | | Số lượng | Phần trăm (%) |
|----------------------|----------------------------------|----------|---------------|
| Lỗi hình thái | 1. Lỗi chọn sai hình thái | | |
| | 1.1 Sai hậu tố | 118 | 16.41 |
| | 1.2 Sai tiền tố | 22 | 3.06 |
| | 1.3 Sai nguyên âm | 9 | 1.25 |
| | 1.4 Sai phụ âm | 14 | 1.95 |
| | 2. Lỗi hình thành sai từ | | |
| | 2.1 Mượn từ vựng | 6 | 0.38 |
| | 2.2 Sáng tạo từ vựng | 0 | |
| | 1.3 Dịch từ | 27 | 3.76 |
| | 3. Sai chính tả | | |
| | 3.1 Thiếu chữ cái | 36 | 5.01 |
| | 3.2 Thừa chữ cái | 24 | 3.33 |
| | 3.2 Chọn sai từ | 5 | 0.7 |
| | 3.1 Sắp xếp sai chữ cái trong từ | 13 | 1.81 |

| | | | |
|----------------------|-------------------------------------|-----|-------|
| Lỗi ngữ nghĩa | 1. Sai quan hệ đồng nghĩa | | |
| | 1.1 Dùng từ chung chung | 123 | 17.11 |
| | 1.2 Dùng từ quá chi tiết | 11 | 1.53 |
| | 1.3 Dùng sai từ cùng trường từ vựng | 16 | 2.23 |
| | 1.4 Dùng sai từ/ cụm từ đồng nghĩa | 138 | 19.25 |
| | 2. Lỗi cụm từ | | |
| | 2.1 Ghép từ không phù hợp | 12 | 1.67 |
| | 2.2 Chọn từ không chuẩn | 19 | 2.64 |
| | 2.3 Ghép từ ngược | 6 | 0.83 |
| | 2.4 Sai giới từ | 110 | 15.43 |

2.2.2. Phân tích lỗi sai điển hình

Theo kết quả tổng hợp ở trên, 4 loại lỗi từ vựng phổ biến nhất trong các bài viết của sinh SNHU làm thuộc hai nhóm lỗi hình thái và lỗi ngữ nghĩa trình bày và phân tích cụ thể, bao gồm lỗi dùng sai từ/ cụm từ đồng nghĩa, lỗi dùng từ chung chung, lỗi sai hậu tố; và lỗi sai giới từ.

| Loại Lỗi | Số lượng lỗi | Phần trăm (%) |
|-----------------------------------|--------------|---------------|
| 1. Dùng sai từ/ cụm từ đồng nghĩa | 138 | 19.25 |
| 2. Dùng từ chung chung | 123 | 17.11 |
| 3. Sai hậu tố | 118 | 16.41 |
| 4. Sai giới từ | 110 | 15.41 |

* Lỗi ngữ nghĩa

❖ Lỗi dùng sai từ/cụm từ đồng nghĩa

Trong nhóm lỗi ngữ nghĩa thì lỗi sử dụng từ đồng nghĩa sai là lỗi phổ biến nhất trong tất cả các lỗi từ vựng của SV với 138 lỗi chiếm 19,25 % . Các lỗi sai từ đồng nghĩa rơi vào một số trường hợp sau:

1. SV dùng các từ không trang trọng văn nghị luận.

Ở đây từ “get” được sử dụng nhưng chưa phù hợp. Nó đồng nghĩa với từ “**gain/ acquire**” nhưng không trang trọng và mang tính học thuật. Trong trường hợp này nên sử dụng “gain” hoặc “acquire”

Lỗi thường thấy nữa là việc SV sử dụng nhiều từ “many” hoặc “a lot of” mang nghĩa là nhiều. Tuy nhiên hai từ này không mang nghĩa trang trọng. Ví dụ: “*Students can get much information from the internet*” → *Much nên được chuyển thành “a great amount of”*

Một số từ có nét nghĩa tương tự nhưng cách dùng lại khác nhau: Loại lỗi này xuất phát từ việc SV dịch thẳng từ tiếng Việt sang tiếng Anh mà không chú ý tới cách sử dụng cũng như ý nghĩa chính xác của từ được sử dụng.

❖ Lỗi dùng từ chung chung: Loại lỗi phổ biến thứ 2 là lỗi dùng từ chung chung thay vì dùng một từ cụ thể. Lỗi này chiếm tới 17,11%. Trong các bài viết của mình, SV đặc biệt hay dùng các từ chung chung như: many things, something, everything, ways, tools...

❖ Lỗi sai giới từ: Lỗi phổ biến số 3 trong nhóm lỗi ngữ nghĩa là lỗi sai giới từ. Lỗi này đứng thứ 4 trong tổng số các lỗi từ vựng chiếm 15.41%. Trong tiếng Anh, giới từ thường đi kèm với động từ, danh từ,

và tính từ. Việc thay đổi giới từ sẽ làm thay đổi nghĩa của cả cụm từ hoặc làm cho câu trở nên sau ngữ pháp. Loại lỗi này xuất hiện thường do SV hay lược bỏ hoặc thêm giới từ không phù hợp.

Ở nhóm lỗi này SV mắc lỗi nhiều khi sử dụng sai giới từ. Điều này cho thấy SV đã có ý thức trong việc sử dụng các giới từ tuy nhiên chưa được thành thạo.

❖ Lỗi hình thái

Trong nhóm lỗi hình thái thì lỗi liên quan tới hậu tố của từ là phổ biến nhất, đứng thứ 3 trong tổng số các lỗi với 16.41%. Lỗi hậu tố bao gồm lỗi cùng từ loại nhưng hậu tố khác nhau dẫn tới nghĩa của từ bị thay đổi.

SV thường nhầm lẫn các từ như: attraction – attractiveness, competition – competitiveness, creation – creativity...

Lỗi hậu tố còn xuất hiện khi SV dùng sai loại từ .

3. Kết luận và đề xuất

Theo kết quả tìm được và phân tích dữ liệu có thể nhận thấy rằng, SV còn mắc nhiều các lỗi từ vựng và các lỗi ngữ nghĩa xuất hiện nhiều hơn so với các lỗi về hình thái.

Ngoài ra, từ việc phân tích lỗi cho thấy một nguyên nhân dẫn đến lỗi sai về từ vựng của SV là do việc quy chiếu không chính xác các quy tắc từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Dựa trên kết luận đã nêu, một số đề xuất liên quan tới việc sửa lỗi cũng như giảng dạy dành cho giáo viên và học sinh được xây dựng. Thứ nhất, để giúp SV không mắc phải các lỗi sai, giáo viên nên hỗ trợ để SV tự mình nhận ra lỗi sai . Điều này có thể thực hiện thông qua quá trình chấm chéo trong dạy và học viết. SV dễ dàng tìm ra lỗi trong bài viết của bạn và học từ chính các lỗi sai mà bạn mình mắc phải. Thứ hai, nếu có điều kiện, giáo viên nên chỉ ra những điểm khác nhau cơ bản giữa ngữ pháp tiếng Việt và tiếng Anh mà người học hay mắc lỗi để SV nắm vững và từ đó không mắc phải các lỗi quy chiếu sai lệch. Thứ ba, giáo viên nên tập trung vào các lỗi sai điển hình chứ không nên cố gắng sửa tất cả các lỗi. Lỗi sai điển hình là những lỗi thường xuyên xuất hiện trong các bài viết của SV.

Tài liệu tham khảo

1. Brown, C. (2000). *The interrelation between speech perception and phonological acquisition from infant to adult*. Great Britain: Blackwell Publishers Limited.
 2. Carter, R., & McCarthy, M. (Eds.).(1988). *Vocabulary and language teaching*. London: Longman
 3. Halliday, M. A. K. (1978) *Language as a Social Semiotic: The Social Interpretation of Language and Meaning*. London: Edward Arnold.